TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2022/HNGĐ-PT.
Ngày 10-8-2022.
V/v: Chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hải Hường
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hà
Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/8/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2022/TLPT- HNGĐ ngày 05/5/2022 về việc: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn"

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 28/2021/HNGĐ-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY , tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2022/QĐ-PT ngày 05/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐ-PT ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H1 , sinh năm 1967 (có mặt)
Trú quán: TDP B , thị trấn NM , huyện TY , tỉnh Bắc Giang.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 , sinh năm 1964 (có mặt)
Trú quán: TDP B , thị trấn NM , huyện TY , tỉnh Bắc Giang
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Chị Nguyễn Thị Ng1 , sinh năm 1989 (vắng mặt)
Trú quán: Số 29 đường NG , phường TA , thành phố BN , tỉnh Bắc Ninh.
- Anh Nguyễn Mạnh Qu1 , sinh năm 1997 (vắng mặt)
Trú quán: TDP B , thị trấn NM , huyện TY , Bắc Giang.
- Ông Nguyễn Minh Ng2 , sinh năm 1967 (vắng mặt)
- Bà Tô Thị T2 , sinh năm 1972 (vắng mặt)
- Anh Nguyễn Trường S3 , sinh năm 1990 (vắng mặt)
- Anh Nguyễn Văn Gi3 , sinh năm 1993 (vắng mặt)

- Chị Lê Thị H3 , sinh năm 2002 (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị Y3 , sinh năm 1973 (vắng mặt)
- Cháu Nguyễn Việt T3 , sinh năm 2009 (vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Thu U3 , sinh năm 2001 (vắng mặt)

Đều trú quán: TDP TQ , thị trấn NM , huyện TY , tỉnh Bắc Giang.

Cháu T3 do bà Nguyễn Thị Y3 đại diện theo pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Kh3 , sinh năm 1962 (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị H4 , sinh năm 1950 (vắng mặt)

Đều trú tại: thôn TL , xã AD , huyện TY , tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị Y5 , sinh năm 1955 (vắng mặt)

Trú quán: số 9, đường LTTr 2, tổ NG , phường XG , thành phố B .

- Bà Nguyễn Thị A5 , sinh năm 1969 (vắng mặt)

Trú quán: xóm G , xã TTr , huyện TY , tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị Thảo O1 , sinh năm 1995 (vắng mặt)

Trú quán: số 90E NK , phường PT , quận HK , thành phố Hà Nội.

- Uỷ ban nhân dân huyện TY , tỉnh Bắc Giang do ông Đỗ Văn Th5 – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện TY đại diện theo uỷ quyền. (Xin vắng mặt)

*** Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ng1 , anh Nguyễn Mạnh Qu1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị H1 trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn T1 năm 1988 và vợ chồng bà chung sống cùng bố mẹ chồng. Năm 2003, bố mẹ chồng của bà đã tặng cho vợ chồng đất thửa số số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích 360m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 60m^2 đất vườn) đất được Uỷ ban nhân dân huyện TY cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 773915 Ngày 22/12/2003 cấp mang tên hộ ông Nguyễn Văn T1 (đo đạc thực tế là 672,1m^2). Sau đó, vợ chồng bà đã xây dựng thêm các công trình trên đất để sinh sống. Nay ông bà đã ly hôn, bà yêu cầu Toà án chia tài sản chung của bà và ông T1 là thửa đất 672,1m^2 ở phố Bài, thị trấn NM , huyện TY , tỉnh Bắc Giang, cùng các tài sản gắn liền trên đất.

- Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông kết hôn với bà H1 năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã AD . Sau khi kết hôn, ông bà chung sống cùng bố mẹ đẻ của ông là cụ Nguyễn Tam Nhận (Nguyễn Mạnh Tuyến), sinh năm 1928 và cụ Trần Thị Di, sinh năm 1932 tại thôn Bài, xã AD (nay là phố Bài, thị trấn NM). Năm 1992 cụ Di chết. Năm 2003 cụ Nhận (Tuyến) làm thủ tục tặng cho ông thửa đất của các cụ mà vợ chồng ông đang cùng sử dụng. Ngày 22/12/2003, ông đã được Uỷ ban nhân dân huyện TY cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 773915 đối với diện tích đất 360m^2 tại thửa số 31, tờ bản đồ số 02 tại phố Bài, thị trấn NM .

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi là cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 nhưng ông xác định chỉ có một mình ông có quyền sử dụng đất. Năm 2005, cụ Nhận (cụ Tuyến) chết. Sau năm 2003, ông và bà H1 có khai hoang thêm diện tích đất liền kề. Năm 2017, thị trấn NM đo đạc lại bản đồ, phần đất thực tế vợ chồng ông sử dụng là 672,1m^2 thể hiện tại thửa 11 + 12 tờ bản đồ 21 đo năm 2017. Diện tích tăng lên là do ông và bà H1 khai hoang vỡ hoá.

Năm 2019, vợ chồng ông đã ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung. Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu Toà án chia tài sản là diện tích 672,1m^2 và các tài sản trên đất thì ông xác định thửa đất này ông được bố mẹ tặng cho riêng ông nên là tài sản của cá nhân, ông chỉ đồng ý chia các tài sản trên đất mà không đồng ý chia đất.

- *Anh Nguyễn Mạnh Qu1 và chị Nguyễn Thị Ng1 đều trình bày*: anh chị là con của ông T1 bà H1 . Đất đai, tài sản là của bố mẹ. Anh chị đều không đóng góp được gì vào khối tài sản chung của bố mẹ. Anh chị đều không yêu cầu đòi hỏi gì về việc chia tài sản trong vụ án này.

- *Tại các bản tự khai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ng2 , bà Kh3 , bà Hoà, bà Y5 , bà A5 , bà Y3 và các con là chị Oanh, Nguyễn Thị Thu U3 (là con và cháu của cụ Di, cụ Tuyến) đều trình bày:* nhất trí với ý kiến của ông T1 là không chia ngôi nhà ở và thửa đất vì các tài sản này là của cụ Tuyến và cụ Di để lại, không phải là tài sản chung của ông T1 bà H1 . Các cụ để lại thửa đất và ngôi nhà này để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Không chấp nhận yêu cầu chia nhà và đất của bà H1 . Các tài sản còn lại do bà H1 và ông T1 tạo lập thì bà H1 có quyền yêu cầu chia.

Ngoài ra, ông Ng2 còn trình bày: Trên thửa đất đang tranh chấp giữa ông T1 và bà H1 , ông bà có các tài sản là Mái tôn trước cửa nhà chính làm năm 2021 để làm kho chứa hàng cho con của ông bán hàng. Về mái fibro ximang ông cho ông T1 , còn mái tôn nếu Tòa án chia cho ông T1 phần đất này thì ông cho ông T1 , nếu bà H1 được chia phần đất này thì ông sẽ tháo dỡ. Các tài sản này đều là tài sản của vợ chồng ông, các con của ông không đóng góp được gì.

- *Bà Tô Thị T2 (vợ ông Ng2) trình bày*: Bà nhất trí với ý kiến của ông Ng2 . Bà làm mái tôn để anh em thờ cúng tổ tiên, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Phần đất này thuộc về ai thì bà sẽ có ý kiến về mái tôn sau.

- *Anh Nguyễn Trường S3 , Nguyễn Văn Gi3 và chị Lê Thị H3 (là con trai và con dâu ông Ng2 bà T2) không cung cấp ý kiến cho Tòa án*.

- *Đại diện của Uỷ ban nhân dân huyện TY trình bày*: Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích 360m2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 tại phố Bài, thị trấn NM , trước đó thuộc địa giới xã AD , huyện TY , năm 2002 nhập về thị trấn NM do bố mẹ ông T1 sử dụng từ những năm 1980. Năm 2003, Uỷ ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên cho chủ sử dụng Nguyễn Văn T1 , cấp tại Quyết định số 130/QĐ-UB ngày 22/12/2003. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cấp theo

Luật đất đai năm 2003 và cấp cho hộ gia đình chứ không phải cho cá nhân ông T1 . Các thành viên nào có quyền sử dụng đất thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để xác định.

Hiện không còn lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 31 này, chỉ còn lưu trữ danh sách các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất vườn, đất lâm nghiệp tại thị trấn NM kèm theo Quyết định số 130/QĐ-UB ngày 22/12/2003 của Uỷ ban nhân dân huyện TY về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất vườn, đất lâm nghiệp cho các chủ sử dụng đất tại thị trấn NM nên không có đủ căn cứ để trao đổi với quý Toà về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 31 năm 2003.

Đối với diện tích dôi dư là do chưa kê khai hết. Đề nghị Tòa án giao cho đương sự 360m2, diện tích còn lại nếu không có tranh chấp thì tạm giao cho đương sự . Đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để xem xét giải quyết yêu cầu của bà H1 .

- *Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành định giá, thẩm định tài sản.* Khi thực hiện xong đã thông báo kết quả cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến gì về kết quả định giá, thẩm định.

Kết quả định giá thửa đất số 11 + 12 tờ bản đồ số 21 có giá trị đất ở là 1.500.000đồng/m^2, đất trồng cây lâu năm là 42.000đồng/m^2. Kết quả đo đạc thửa đất có tổng diện tích là 672,1m2. Trong đó có 300m2 là đất ở, còn lại 372,1m2 được xác định giá trị là đất trồng cây lâu năm. Vậy trị giá thửa đất là 300m2 x 1.500.000đồng/m2 + 372,1m2 x 42.000đồng/m2 = 465.628.200đồng. Các tài sản khác trị giá là: Nhà mái ngói cấp 4 loại 2: 45.649.000đồng. Nhà bếp mái tôn: 8.123.000đồng. Nhà bếp cũ loại C: 4.995.000đồng. Công trình phụ loại C: 6.609.000đồng. Bán mái Fibro (ông Ng2 nhận làm): 3.787.000đồng. Sân lát gạch diện tích 78m^2 + lối vào 20,16m^2 + sân giếng trước bếp 8,5m^2 = 106,66m^2 x 120.000đồng/m^2 x 30% = 3.840.000đồng. Sân láng xi măng trước cửa công trình phụ: 196.000đồng. Tường rào sân và cổng, phía trước bếp: 5.579.000đồng. 01 giếng khoan: 1.625.000đồng. Tường bờ ao dày 220cm giá: 5.580.000đồng. Nay tường đã đổ 2/3, chỉ còn 1/3 ở cạnh giáp đường bên phải nên còn 1.860.000đồng. 02 cây nhãn x 758.000đồng/cây = 1.516.000đồng. 01 cây vải đường kính tán 3m: 2.281.000đồng. 01 cây hồng xiêm giá 280.000đồng. 01 cây na đường kính gốc 5cm giá 325.000đồng. 01 cây na đường kính gốc 15cm giá 1.069.000đồng. 02 cây đinh lăng trên 2 năm: 11.000đồng/cây: 22.000đồng. 01 cây chanh đường kính gốc 5cm giá 298.000đồng. 01 cây quất đường kính gốc 5cm giá 38.000đồng. 01 cây bưởi đường kính gốc 17cm giá 2.585.000đồng. 01 cây bưởi đường kính gốc 08cm giá 1.559.000đồng. 05 cây bưởi đường kính gốc 05cm giá 1.091.000đồng/cây: 5.455.000đồng. 02 cây mít đường kính gốc 10cm giá 404.000đồng/cây: 808.000đồng. 04 cây cau đường kính gốc 10cm: 286.000đồng. Nhà tắm: 1.312.000đồng. Bể nước thải:

460.000đồng. Mái pro xi măng ở trước nhà tắm: 720.000đồng. Mái tôn trước nhà chính: 19.872.000đồng. Giếng đào trước cửa bếp: 854.000đồng.

Trong số các tài sản trên, các tài sản của ông Ng2 có: Mái tôn trước cửa nhà chính 19.872.000đồng, mái fibroximang 3.787.000đồng, mái fibroximang trước cửa nhà tắm 720.000đồng. Nhà cấp 4 của bố mẹ ông T1 để lại, ông T1 bà H1 chỉ tu sửa. Còn lại là tài sản của ông T1 bà H1 .

Với nội dung trên án sơ thẩm số 28/2021/HNGĐ-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY , tỉnh Bắc Giang đã Quyết định:

Áp dụng Điều 29, Điều 33, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 59, Điều 62 Luật Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 213, 219, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Các điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 đối với ông Nguyễn Văn T1 .

- Giao và tạm giao cho bà Lê Thị H1 sử dụng 218,5 m^2 đất gồm các cạnh ABCDEFGHIJKN (trong đó giao cho sử dụng 125m^2 đất ở, 20 m2 đất trồng cây lâu năm. Tạm giao cho sử dụng 73,5m^2 đất dôi dư) tại thửa đất số 11 + 12, tờ bản đồ số 21 (bản đồ năm 2017) tại tổ dân phố Bài, thị trấn NM , huyện TY , tỉnh Bắc Giang. Trị giá đất là 191.427.000đồng. (có sơ đồ kèm theo bản án).

Giao cho bà Lê Thị H1 sở hữu các tài sản gồm: Nhà bếp cũ 4.995.000đồng, công trình phụ trị giá 6.609.000đồng, sân giếng trước bếp 306.000đồng, sân láng xi măng trước cửa công trình phụ 196.000đồng, nhà tắm 1.312.000đồng, bể nước thải 460.000đồng, giếng đào trước cửa bếp 854.000đồng, tường bờ ao trị giá 1.860.000đồng, mái fibro xi măng ở trước nhà tắm 720.000đồng, bán mái công trình phụ Fibro xi măng 3.787.000đồng. Tổng trị giá là 21.099.000đồng.

Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 212.526.000đồng.

- Giao và tạm giao cho ông Nguyễn Văn T1 453,6m^2 đất gồm các cạnh AMLOPQXYZB (trong đó giao cho sử dụng 175m^2 đất ở, 40m2 đất trồng cây lâu năm. Tạm giao cho sử dụng 238,6 m^2) tại thửa đất số 11 + 12, tờ bản đồ số 21 (bản đồ năm 2017) tại tổ dân phố Bài, thị trấn NM , huyện TY , tỉnh Bắc Giang. Trị giá đất là 274.201.000đồng.

Giao cho ông Nguyễn Văn T1 sở hữu: Nhà mái ngói cấp 4 45.649.000đồng, nhà bếp mái tôn 8.123.000đồng, sân lát gạch + lối vào 3.533.000đồng, tường rào sân và cổng, phía trước bếp 5.579.000đồng, giếng khoan 1.625.000đồng, 02 cây nhãn 1.516.000đồng, 01 cây vải 2.281.000đồng,

01 cây hồng xiêm 280.000đồng, 01 cây na đường kính gốc 5cm 325.000đồng, 01 cây na đường kính gốc 15cm 1.069.000đồng, 02 cây đinh lăng 22.000đồng. 01 cây chanh 298.000đồng, 01 cây quất 38.200đồng, 01 cây bưởi đường kính gốc 17cm giá 2.585.000đồng, 01 cây bưởi đường kính gốc 8cm giá 1.559.000đồng, 05 cây bưởi đường kính gốc 05cm 5.455.000đồng, 02 cây mít 808.000đồng. Tổng trị giá là 80.745.000đồng.

Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 354.946.000đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trích chia cho bà Lê Thị H1 giá trị tài sản chênh lệch là 15.000.000đồng.

Ranh giới phân chia giữa phần đất của ông T1 và bà H1 là đoạn thẳng AB dài 25,95m, song song và cách tường nhà bếp mái tôn 0,5m. Điểm A cách điểm M 6,43m, cách điểm N 7,79m. Điểm B cách điểm C 1,29m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 31/8/2021 ông Nguyễn Minh Ng2 , bà Tô Thị T2 ; anh Nguyễn Trường S3 ; anh Nguyễn Văn Gi3 , chị Lê Thị H3 ; bà Nguyễn Thị Y3 ; chị Nguyễn Thị Thu U3 ; bà Nguyễn Thị A5 ; bà Nguyễn Thị H4 ; bà Nguyễn Thị Kh3 cùng ký 01 đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm

Ngày 03/8/2021 ông Nguyễn Văn T1 nộp đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Ngày 30/7/2021 bà Lê Thị H1 nộp đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm

Ngày 02/8/2021 anh Nguyễn Mạnh Qu1 kháng cáo bản án sơ thẩm; Ngày 05/8/2021 chị Nguyễn Thị Ng1 nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Do ông Nguyễn Văn T1 , Bà Lê Thị H1 kháng cáo quá hạn nên Hội đồng xét kháng cáo đã không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông T1 và bà H1 .

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Minh Ng2 , bà Tô Thị T2 ; anh Nguyễn Trường S3 ; anh Nguyễn Văn Gi3 , chị Lê Thị H3 ; bà Nguyễn Thị Y3 ; chị Nguyễn Thị Thu U3 ; bà Nguyễn Thị A5 ; bà Nguyễn Thị H4 ; bà Nguyễn Thị Kh3 do việc giao, gửi bản án không đảm bảo quy định của pháp luật đối với bà Tô Thị T2 ; Nguyễn Trường S3 ; anh Nguyễn Văn Gi3 , chị Lê Thị H3 ; bà chị Nguyễn Thị Thu U3 nên Hội đồng xét kháng cáo đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giao lại bản án cho những người này và xét không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Nguyễn Minh Ng2 , bà Nguyễn Thị Y3 ; bà Nguyễn Thị A5 ; bà Nguyễn Thị H4 ; bà Nguyễn Thị Kh3

Tòa án huyện TY đã thực hiện việc giao bản án cho bà T2 , anh S3 , chị H3 , anh Gi3 , Nguyễn Thị Thu U3 tuy nhiên những người trên không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ng1 và anh Nguyễn Mạnh Qu1 xin vắng mặt. Hội đồng xét xử công khai tài liệu là đơn kháng cáo của chị Ng1 anh Qu1 .

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chị Ng1 có bản tự khai, Tòa án có biên bản ghi lời khai với anh Qu1 . Anh, chị đều xác định không có công sức đóng góp gì. Xác định khối tài sản chung bố mẹ các anh chị đang tranh chấp là của bố mẹ các anh, chị và không có ý kiến gì. Do các anh, chị không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét và không giải quyết yêu cầu của các anh, chị. Do chưa giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 309 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Ng1 , anh Qu1 , giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2021/HNGĐ-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY , tỉnh Bắc Giang

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm do đương sự không kháng cáo và không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo nên chị Ng1 , anh Qu1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ng1 , anh Nguyễn Mạnh Qu1 , HĐXX thấy:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. HĐXX căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét kháng cáo của chị Ng1 , anh Qu1 Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm chị Ng1 trình bầy: (BL218) tài sản đất đai là của bố mẹ chị, chị không đòi hỏi gì về quyền lợi.

Quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết anh Nguyễn Mạnh Qu1 trình bầy (BL 39) như sau: Anh là con đẻ của ông T1 bà H1 . Quá trình chung sống anh không có công sức đóng góp gì trong việc xây dựng vào khối tài sản chung của bố mẹ anh. Nay bố mẹ anh đề nghị chia tài sản chung anh xác định toàn bộ đất và tài sản trên đất của bố mẹ anh. Anh không yêu cầu bố mẹ anh trích chia công sức gì cho anh.

Như vậy, thửa đất và tài sản gắn liền trên đất số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích 360m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 60m^2 đất vườn) đất được Uỷ ban nhân dân huyện TY cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 773915 Ngày 22/12/2003 cấp mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 là của vợ chồng ông T1 , bà H1

Quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án anh Qu1 , chị Ng1 đều xác định không có công sức đóng góp gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi án sơ thẩm xử xong chị Ng1 , anh Qu1 kháng cáo đề nghị được hưởng phần tài sản của bố mẹ khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Do anh Qu1 , chị Ng1 đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên cấp sơ thẩm đã không xem xét thụ lý và giải quyết đối với yêu cầu của anh chị mà chia tài sản cho ông T1 bà H1 là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của anh chị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét giải quyết. Trường hợp anh, chị có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: do yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nên chị Ng1 , anh Qu1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148- BLTTDS và khoản 1 Điều 29-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ng1 , anh Nguyễn Mạnh Qu1 .

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2021/HNGĐ-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY , tỉnh Bắc Giang.

2. *Về án phí:*

Án phí phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Ng1 , anh Nguyễn Mạnh Qu1 mỗi người phải chịu 300.000đồng tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Ng1 đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000386 ngày 20/8/2021 và anh Nguyễn Mạnh Qu1 đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000385 ngày 20/8/2021 (do bà Lê Thị H1 nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY , tỉnh Bắc Giang. (xác nhận chị Ng1 , anh Qu1 đã nộp xong)

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện TY ;
- Chi cục THADS huyện TY ;
- Các đương sự,
- Cổng thông tin điện tử ;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hường